ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1957 -QĐ/KHTN-SĐH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận học viên cao học khóa năm 2016

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Căn cứ Điều lệ trường đại học do Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30/7/2003;

Căn cứ quyết định số 925/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 12/10/2006 về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Khoa học Tự Nhiên – ĐHQG TP.HCM;

Căn cứ Quy chế về đào tạo Sau Đại học của Đại học Quốc gia do Giám đốc ban hành kèm theo quyết định số 01/ĐHQG-ĐH & SĐH ngày 05/01/2009.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận **476** thí sinh đã trúng tuyển là học viên cao học, hệ Chính quy, Khóa năm 2016 gồm các học viên có tên trong danh sách đính kèm .

Thời gian học: Từ tháng 12/2016 đến tháng 12/2018.

Điều 2. Học viên cao học có trách nhiệm thực hiện quy chế và được hưởng mọi quyền lợi theo quy chế đào tạo thạc sĩ hiện hành.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng đào tạo sau đại học, Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chánh, Trưởng Phòng Tài vụ và các học viên cao học có tên trong danh sách ghi ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

***Nơi nhận*:**
- Đại học Quốc Gia, Khoa
- Phòng đào tạo sau đại học
- Lưu VT

HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Trần Linh Thước

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2016
Kèm theo quyết định số 1958 /QĐ-KHTN-SĐH ngày 23/12/2016
của Hiệu trưởng Trường ĐH KH TN

Stt	Mã số HV	Họ và	tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng	Cơ quan công tác
1	16C 11 001	Bùi Bình	An	Nam	20/02/1991	Đồng Nai	Khoa học máy tính		
2	16C 11 002	Phạm Như Hải	Đăng	Nam	09/11/1992	Bà Rịa - Vũng Tàu	Khoa học máy tính		
3	16C 11 003	Huỳnh Nguyễn	Kossel	Nam	19/05/1986	Tiền Giang	Khoa học máy tính		
4	16C 11 004	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	02/07/1993	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính	CTS	
5	16C 11 005	Nguyễn Thị	Lụa	Nữ	12/04/1983	Hà Nam	Khoa học máy tính		
6	16C 11 006	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	29/07/1987	Bình Thuận	Khoa học máy tính		
7	16C 11 007	Phan Bá	Quát	Nam	26/10/1990	Sông Bé	Khoa học máy tính		
8	16C 11 008	Đỗ Phúc	Thịnh	Nam	01/09/1992	Đồng Nai	Khoa học máy tính		
9	16C 11 009	Đặng Thanh	Tùng	Nam	11/01/1993	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính	CTS	
10	16C 11 013	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	08/09/1987	Đồng Nai	Khoa học máy tính	Tự do	
11	16C 11 014	Nguyễn Thái	Châu	Nam	15/12/1990	Long An	Khoa học máy tính	Tự do	
12	16C 11 015	Lê Văn	Hồng	Nam	05/05/1992	Hải Dương	Khoa học máy tính	Tự do	
13	16C 11 016	Phạm Quốc	Hợp	Nam	09/05/1983	Thanh Hóa	Khoa học máy tính	Tự do	
14	16C 11 017	Nguyễn	Khánh	Nam	15/03/1994	Cần Thơ	Khoa học máy tính	CTS	
15	16C 11 018	Trần Minh	Khoa	Nam	10/06/1994	An Giang	Khoa học máy tính	Tự do	
16	16C 11 019	Phạm Việt	Khôi	Nam	06/03/1994	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính	CTS	
17	16C 11 020	Lê Thị Kiều	Liên	Nữ	19/06/1991	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính	GV	Trường ĐH An Ninh Nhân dân
18	16C 11 021	Nguyễn Hữu	Lợi	Nam	02/07/1991	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính	Tự do	
19	16C 11 022	Nguyễn Thị Nguyệt	Minh	Nữ	28/08/1982	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính	Tự do	
20	16C 11 023	Vương Trọng	Nhân	Nam	08/10/1994	Tiền Giang	Khoa học máy tính	Tự do	
21	16C 11 024	Nguyễn Giáp Nguyên	Sinh	Nam	14/07/1989	Bình Thuận	Khoa học máy tính	Tự do	
22	16C 11 026	Phạm Ngọc	Thanh	Nam	22/03/1994	Khánh Hòa	Khoa học máy tính	CTS	
23	16C 11 027	Trần Ngọc Đạt	Thành	Nam	23/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính	CTS	Đại học KHTN
24	16C 11 028	Nguyễn Đức	Thịnh	Nam	01/06/1989	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính	Tự do	
25	16C 11 030	Bùi Huy	Thông	Nam	19/12/1994	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính	CTS	
26	16C 11 031	Võ Tấn	Toàn	Nam	22/09/1992	Gia Lai	Khoa học máy tính	Tự do	
27	16C 11 032	Trần Quốc	Trường	Nam	24/07/1981	Long An	Khoa học máy tính	Tự do	
28	16C 11 034	Bùi Duy	Tâm	Nam	01/06/1973	TP. Đà Nẵng	Khoa học máy tính		
29	16C 12 001	Phạm Thành	Đạt	Nam	22/02/1992	Long An	Hệ thống thông tin		
30	16C 12 002	Nguyễn Bảo	Khánh	Nam	24/09/1993	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin		
31	16C 12 003	Nguyễn Thị Huệ	Minh	Nữ	05/05/1984	Long An	Hệ thống thông tin		

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2016
Kèm theo quyết định số 1958 /QĐ-KHTN-SĐH ngày 23/12/2016
của Hiệu trưởng Trường ĐH KH TN

Stt	Mã số HV	Họ và	tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng	Cơ quan công tác
32	16C 12 004	Dương Nguyễn Khánh	An	Nữ	19/09/1991	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin	Tự do	
33	16C 12 005	Lê Hồng	Danh	Nam	01/04/1989	Đồng Tháp	Hệ thống thông tin	Tự do	
34	16C 12 006	Đặng Tấn	Lộc	Nam	23/04/1989	Đồng Nai	Hệ thống thông tin	Tự do	
35	16C 12 007	Nguyễn Quốc	Quyền	Nam	08/02/1991	Tiền Giang	Hệ thống thông tin	Tự do	
36	16C 12 008	Nguyễn Văn	Trung	Nam	06/02/1981	Khánh Hòa	Hệ thống thông tin	Tự do	
37	16C 12 009	Phan Minh	Từ	Nam	01/06/1993	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin	Tự do	
38	16C 12 010	Võ Quốc	Bửu	Nam	08/08/1983	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin		
39	16C 12 011	Nguyễn Văn	Trường	Nam	02/06/1977	Tiền Giang	Hệ thống thông tin		
40	16C 21 001	Trần Thị Kiều	Diễm	Nữ	08/04/1990	Đăk Lăk	Đại số & Lý thuyết số		
41	16C 21 002	Hồ Văn	Định	Nam	19/07/1988	Nghệ An	Đại số & Lý thuyết số		
42	16C 21 003	Nguyễn Văn Minh	Hiếu	Nam	29/09/1979	TP. Hồ Chí Minh	Đại số & Lý thuyết số		
43	16C 21 004	Nguyễn Hồng	Loan	Nữ	22/06/1985	Tây Ninh	Đại số & Lý thuyết số		
44	16C 21 005	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	11/12/1980	Ninh Bình	Đại số & Lý thuyết số		
45	16C 21 006	Vũ Thị	Trang	Nữ	14/01/1991	Thanh Hóa	Đại số & Lý thuyết số		
46	16C 21 007	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	24/06/1990	Đồng Nai	Đại số & Lý thuyết số		
47	16C 21 008	Phạm Thanh	Tuấn	Nam	10/11/1992	Bắc Ninh	Đại số & Lý thuyết số		
48	16C 21 009	Đinh Thị Hoàng	Yến	Nữ	14/10/1985	Long An	Đại số & Lý thuyết số		
49	16C 21 010	Cao Thị Ngọc	Bích	Nữ	02/05/1994	Lâm Đồng	Đại số & Lý thuyết số	Tự do	
50	16C 21 011	Lê Ngọc	Hiếu	Nam	22/03/1993	Đồng Nai	Đại số & Lý thuyết số	Tự do	
51	16C 21 012	Nguyễn Thị Phúc	Lan	Nữ	09/01/1983	Bình Dương	Đại số & Lý thuyết số	Tự do	
52	16C 21 013	Trần Xuân	Ngọc	Nam	15/02/1994	Lâm Đồng	Đại số & Lý thuyết số	Tự do	
53	16C 21 014	Lê Phước	Thật	Nam	01/12/1991	Long An	Đại số & Lý thuyết số	Tự do	
54	16C 21 015	Lê Hoàng	Trâm	Nữ	09/09/1994	Bình Thuận	Đại số & Lý thuyết số	Tự do	
55	16C 21 016	Nguyễn Uyên	Trâm	Nữ	16/08/1994	Quảng Ngãi	Đại số & Lý thuyết số	CTS	
56	16C 21 017	Hứa Thị Phượng	Vân	Nữ	16/08/1992	Long An	Đại số & Lý thuyết số	Tự do	
57	16C 21 018	Bùi Minh	Vương	Nam	05/09/1994	An Giang	Đại số & Lý thuyết số	Tự do	
58	16C 22 001	Lý Minh	Hân	Nam	26/06/1991	TP. Hồ Chí Minh	Toán giải tích		
59	16C 22 002	Dương Thị Cẩm	Nhung	Nữ	16/09/1990	Quảng Ngãi	Toán giải tích		
60	16C 22 003	Quách Như	Phú	Nam	15/01/1993	Đồng Nai	Toán giải tích	CTS	
61	16C 22 004	Phạm Hữu	Phước	Nam	13/12/1992	Long An	Toán giải tích		
62	16C 22 005	Hà Thị Thanh	Sương	Nữ	01/02/1993	Bình Định	Toán giải tích		

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2016
Kèm theo quyết định số 1958 /QĐ-KHTN-SĐH ngày 23/12/2016
của Hiệu trưởng Trường ĐH KH TN

Stt	Mã số HV	Họ và	tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng	Cơ quan công tác
63	16C 22 006	Trần Ngọc	Thạch	Nam	19/04/1993	Gia Lai	Toán giải tích		
64	16C 22 007	Trần Thị Kim	Thoa	Nữ	10/05/1993	Quảng Ngãi	Toán giải tích		
65	16C 22 008	Nguyễn Ái	Vân	Nữ	30/12/1992	Đăk Lăk	Toán giải tích		
66	16C 22 009	Hồ Thị Kim	Vân	Nữ	05/08/1994	Quảng Ngãi	Toán giải tích	CTS	
67	16C 22 010	Nguyễn Văn	Vũ	Nam	13/11/1993	TP. Hồ Chí Minh	Toán giải tích		
68	16C 22 011	Nguyễn Văn	Buôl	Nam	08/02/1991	Kiên Giang	Toán giải tích	Tự do	
69	16C 22 012	Nguyễn Nhựt	Hưng	Nam	08/01/1993	Ninh Thuận	Toán giải tích	CTS	
70	16C 22 013	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	09/12/1994	Bắc Giang	Toán giải tích	CTS	
71	16C 22 014	Đồng Phúc Thiên	Quốc	Nam	26/10/1992	TP. Hồ Chí Minh	Toán giải tích	Tự do	
72	16C 22 015	Lê Thị Mai	Thanh	Nữ	08/01/1994	Bình Dương	Toán giải tích	CTS	
73	16C 23 001	Nguyễn Thị Đỗ	An	Nữ	10/11/1993	TP. Hồ Chí Minh	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	CTS	
74	16C 23 002	Phan Thị Đức	Hiếu	Nữ	19/08/1983	Bình Thuận	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học		
75	16C 23 003	Huỳnh Thị Kim	Lan	Nữ	12/10/1992	Tiền Giang	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	CTS	
76	16C 23 005	Trần Thị Diệu	Thúy	Nữ	24/03/1990	Quảng Bình	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học		
77	16C 23 006	Lê Châu	Thùy	Nữ	12/02/1993	Đăk Lăk	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học		
78	16C 23 008	Trần Quốc	Bảo	Nam	24/06/1993	TP. Hồ Chí Minh	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	Tự do	
79	16C 23 009	Nguyễn Văn	Kháng	Nam	20/06/1991	Bình Định	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	Tự do	
80	16C 23 010	Lưu Quang	Nhiên	Nam	01/06/1994	Phú Yên	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	Tự do	
81	16C 23 011	Bùi Thị Anh	Thy	Nữ	11/04/1993	Long An	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	CTS	Công ty TNHH Kumon Việt Nam
82	16C 23 012	Trần Thị Như	Ý	Nữ	10/12/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	CTS	
83	16C 24 001	Trần Nguyễn Ngọc	Chi	Nữ	22/08/1993	Ninh Thuận	Toán ứng dụng	CTS	
84	16C 24 002	Nguyễn Thị	Đào	Nữ	30/09/1994	Đồng Nai	Toán ứng dụng		
85	16C 24 003	Lê Phước	Hậu	Nam	06/01/1994	Đồng Nai	Toán ứng dụng		
86	16C 24 004	Nguyễn Đắc	Kim	Nam	17/03/1990	Đồng Nai	Toán ứng dụng		
87	16C 24 005	Trương Vĩnh	Tân	Nam	16/09/1988	Sóc Trăng	Toán ứng dụng		
88	16C 24 006	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	23/09/1992	Đồng Nai	Toán ứng dụng		
89	16C 24 007	Nguyễn Thanh	Thoa	Nam	03/08/1990	Nam Định	Toán ứng dụng		
90	16C 24 008	Nguyễn Xuân Duy	Bảo	Nam	29/12/1994	TP. Hồ Chí Minh	Toán ứng dụng	Tự do	
91	16C 24 009	Lê Thị Thu	Hà	Nữ	15/10/1994	Bình Định	Toán ứng dụng	Tự do	
92	16C 24 010	Nguyễn Châu	Long	Nam	26/12/1991	Tiền Giang	Toán ứng dụng	Tự do	
93	16C 24 011	Phạm Thị Kim	Ngân	Nữ	22/04/1993	TP. Hồ Chí Minh	Toán ứng dụng	Tự do	

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2016
Kèm theo quyết định số 1958 /QĐ-KHTN-SĐH ngày 23/12/2016
của Hiệu trưởng Trường ĐH KH TN

Stt	Mã số HV	Họ và	tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng	Cơ quan công tác
94	16C 31 001	Nguyễn Lê	Anh	Nam	17/02/1992	Khánh Hòa	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	CTS	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM
95	16C 31 002	Mai Thanh	Hiệp	Nam	02/05/1992	Tiền Giang	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		
96	16C 31 003	Vũ	Lân	Nam	01/01/1981	Hà Tây	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		
97	16C 31 004	Bùi Quốc	Long	Nam	18/12/1993	TP. Hồ Chí Minh	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		
98	16C 31 005	Nguyễn Trần Tuyết	Nhung	Nữ	08/12/1992	TP. Hồ Chí Minh	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		
99	16C 31 006	Dương	Thấy	Nam	08/12/1990	Sóc Trăng	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		
100	16C 31 007	Phạm Nguyễn Hoàng	Thịnh	Nam	24/12/1993	TP. Hồ Chí Minh	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		
101	16C 31 009	Lê Trí	Đạt	Nam	10/08/1993	Đồng Nai	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Tự do	
102	16C 31 010	Vũ Ngọc	Khánh	Nam	10/07/1994	Khánh Hòa	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	CTS	
103	16C 31 011	Nguyễn Duy Hoàng	Minh	Nam	25/05/1994	TP. Hồ Chí Minh	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	CTS	
104	16C 31 012	Nguyễn Minh	Nguyễn	Nam	06/09/1994	Khánh Hòa	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	CTS	
105	16C 31 013	Châu Thiện	Nhân	Nam	03/09/1994	Bình Định	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	CTS	
106	16C 31 014	Lưu Hoàng	Nhân	Nam	15/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	CTS	
107	16C 31 015	Trần Hữu	Sang	Nam	25/11/1991	Kon Tum	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	CTS	
108	16C 31 016	Bùi Chí	Thành	Nam	14/10/1961	Nha Trang	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Tự do	
109	16C 31 017	Trịnh Thị Phương	Thảo	Nữ	09/01/1994	Lâm Đồng	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Tự do	
110	16C 31 018	Nguyễn Lê Đức	Thịnh	Nam	16/07/1993	TP. Hồ Chí Minh	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Tự do	
111	16C 31 019	Trần Đình Bảo	Trân	Nữ	30/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Tự do	
112	16C 31 020	Nguyễn Hoàng	Vũ	Nam	23/01/1991	TP. Hồ Chí Minh	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Nhân viên	Công ty TNHH Revalution
113	16C 32 001	Vũ Trần Thiên	Ân	Nữ	03/01/1990	TP. Hồ Chí Minh	Quang học		
114	16C 32 002	Đoàn Tuấn	Anh	Nam	29/09/1990	TP. Hồ Chí Minh	Quang học		
115	16C 32 003	Lê Văn	Bình	Nam	14/01/1985	Bình Định	Quang học		
116	16C 32 004	Trần Minh	Châu	Nữ	05/03/1992	Khánh Hòa	Quang học		
117	16C 32 005	Trịnh Ngọc	Diễm	Nữ	01/10/1992	Long An	Quang học		
118	16C 32 006	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	Nữ	07/03/1990	Bắc Giang	Quang học		
119	16C 32 007	Tạ Huỳnh Phương	Linh	Nữ	01/05/1991	TP. Hồ Chí Minh	Quang học		
120	16C 32 008	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	23/09/1993	Đồng Nai	Quang học	CTS	
121	16C 32 009	Vũ Hoàng Diễm	Quỳnh	Nữ	18/08/1992	TP. Hồ Chí Minh	Quang học		
122	16C 32 010	Hồ Mai	Thanh	Nữ	23/01/1992	Cà Mau	Quang học		
123	16C 32 011	Nguyễn Thị Phương	Thúy	Nữ	20/11/1992	Đồng Tháp	Quang học		
124	16C 32 012	Trần Trung	Tín	Nam	31/03/1992	Bến Tre	Quang học		

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2016
Kèm theo quyết định số 1958 /QĐ-KHTN-SĐH ngày 23/12/2016
của Hiệu trưởng Trường ĐH KH TN

Stt	Mã số HV	Họ và	tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng	Cơ quan công tác
125	16C 32 013	Đỗ Thùy Phương	Trang	Nữ	04/11/1992	TP. Hồ Chí Minh	Quang học		
126	16C 32 014	Võ Huỳnh Như	Ý	Nữ	18/12/1992	TP. Hồ Chí Minh	Quang học		
127	16C 32 015	Đoàn Thị	Bình	Nữ	18/06/1991	Bình Thuận	Quang học	Tự do	
128	16C 32 016	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	03/08/1990	TP. Hồ Chí Minh	Quang học	Tự do	
129	16C 32 017	Phạm Tiến	Đạt	Nam	27/11/1994	Khánh Hòa	Quang học	Tự do	
130	16C 32 018	Nguyễn Quốc	Duẩn	Nam	20/01/1990	Quảng Nam	Quang học	Tự do	
131	16C 32 019	Ngô Thị Thanh	Giang	Nữ	22/12/1990	Bạc Liêu	Quang học	Tự do	
132	16C 32 021	Trần Kim	Hương	Nữ	15/01/1992	Tiền Giang	Quang học	Tự do	
133	16C 32 022	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	15/11/1993	Long An	Quang học	Tự do	
134	16C 32 023	Đỗ Hoàng Đông	Phương	Nam	12/12/1993	Tây Ninh	Quang học	Tự do	
135	16C 32 024	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	29/10/1994	Hà Tây	Quang học	Tự do	
136	16C 32 025	Lê Minh	Tài	Nam	24/08/1994	Long An	Quang học	Tự do	
137	16C 32 026	Trần Thị	Thùy	Nữ	20/02/1994	Thanh Hóa	Quang học	Tự do	
138	16C 32 027	Cao Thị Thanh	Trà	Nữ	10/10/1989	Đồng Nai	Quang học	Tự do	
139	16C 32 028	Cổ Lê Thanh	Tuyền	Nữ	17/10/1984	TP. Hồ Chí Minh	Quang học	Tự do	
140	16C 32 029	Trương Doãn	Việt	Nam	06/12/1992	Nam Định	Quang học	Tự do	
141	16C 33 001	Nguyễn Thị Tuyết	Giao	Nữ	25/07/1993	Đồng Tháp	Vật lý vô tuyến và điện tử: hướng Vật lý điện tử Ứng dụng		
142	16C 33 002	Lê Thị Hoàng	Yến	Nữ	15/04/1991	Sông Bé	Vật lý vô tuyến và điện tử: hướng Vật lý điện tử Ứng dụng		
143	16C 33 003	Ngô Minh	Nhựt	Nam	20/07/1994	Long An	Vật lý vô tuyến và điện tử: hướng Vật lý điện tử Ứng dụng	CTS	Trường Đại học Sư phạm TP.HCM
144	16C 33 004	Trần Thị	Phượng	Nữ	06/10/1992	Nghệ An	Vật lý vô tuyến và điện tử: hướng Vật lý điện tử Ứng dụng	Tự do	
145	16C 33 005	Nguyễn Thanh	Thủy	Nữ	02/11/1980	Đồng Nai	Vật lý vô tuyến và điện tử: hướng Vật lý điện tử Ứng dụng	Tự do	
146	16C 33 006	Tôn Nữ Quỳnh	Trang	Nữ	02/01/1994	Quảng Ngãi	Vật lý vô tuyến và điện tử: hướng Vật lý điện tử Ứng dụng	CTS	
147	16C 33 007	Hồ Quốc	Việt	Nam	09/05/1990	Bình Định	Vật lý vô tuyến và điện tử: hướng Vật lý điện tử Ứng dụng	Tự do	
148	16C 33 008	Nguyễn Văn	Tịnh	Nam	02/10/1991	Thanh Hóa	Vật lý vô tuyến và điện tử: hướng Vật lý điện tử Ứng dụng	Tự do	
149	16C 33 009	Nguyễn Vương Thùy	Ngân	Nữ	06/08/1992	TP.HCM	Vật lý vô tuyến và điện tử: hướng Vật lý điện tử Ứng dụng	CTS	
150	16C 34 001	Lê Quốc	Bảo	Nam	24/08/1992	Bạc Liêu	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao		
151	16C 34 002	Lê Thị Phượng	Hằng	Nữ	11/04/1992	Long An	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao		
152	16C 34 003	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	17/12/1993	Long An	Vật lý hạt nhân nguyên tử và năng lượng cao	CTS	
153	16C 34 004	Võ Thị Bích	Hồng	Nữ	02/04/1987	Phú Yên	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao		
154	16C 34 005	Đào Chí	Khương	Nam	16/08/1992	Long An	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao		
155	16C 34 006	Lê Tuấn	Nhã	Nam	14/07/1991	Cà Mau	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao		

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2016
Kèm theo quyết định số 1958 /QĐ-KHTN-SĐH ngày 23/12/2016
của Hiệu trưởng Trường ĐH KH TN

Stt	Mã số HV	Họ và	tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng	Cơ quan công tác
156	16C 34 007	Lê Thanh	Nhựt	Nam	12/06/1985	Tây Ninh	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao		
157	16C 34 008	Văn Tấn	Phát	Nam	05/06/1981	Lâm Đồng	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao		
158	16C 34 010	Lý Chí	Thạnh	Nam	1989	Long An	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao		
159	16C 34 011	Nguyễn Lâm Phương	Thảo	Nữ	23/07/1993	Ninh Thuận	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao		
160	16C 34 012	Đinh Nguyễn Hoàng	Thịnh	Nam	15/04/1993	TP. Hồ Chí Minh	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao		
161	16C 34 013	Vương Minh	Trí	Nam	30/05/1984	Bình Dương	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao		
162	16C 34 014	Trần Phạm Ngọc	Trinh	Nữ	28/04/1988	Đồng Nai	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao		
163	16C 34 015	Dương Nhật Tú	Uyên	Nữ	10/10/1993	Quảng Trị	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao		
164	16C 34 016	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	25/06/1993	Ninh Thuận	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	Tự do	
165	16C 34 017	Huỳnh Uyên	Chi	Nữ	23/05/1993	Long An	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	Tự do	
166	16C 34 018	Đỗ Xuân	Đại	Nam	06/09/1985	Vĩnh Phúc	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	Tự do	
167	16C 34 019	Lữ Thế	Đăng	Nam	27/01/1992	Ninh Thuận	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	Tự do	
168	16C 34 020	Lê Thị	Đến	Nữ	10/02/1993	Ninh Thuận	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	CTS	Bệnh viện Ung Bướu - TP. Cần Thơ
169	16C 34 021	Vũ Thị Thùy	Dung	Nữ	05/09/1994	Kon Tum	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	CTS	
170	16C 34 022	Nguyễn Tấn	Được	Nam	16/03/1994	Sông Bé	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	CTS	
171	16C 34 023	Trần Thị Diễm	Hương	Nữ	31/08/1993	Long An	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	Tự do	
172	16C 34 024	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	Nữ	10/01/1992	Bình Phước	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	Tự do	
173	16C 34 025	Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	04/10/1990	Đồng Nai	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	Tự do	
174	16C 34 026	Lại Thị Khánh	Ly	Nữ	15/08/1994	Thái Bình	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	CTS	
175	16C 34 027	Phan Thị Xuân	Mai	Nữ	10/02/1993	Ninh Thuận	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	Tự do	
176	16C 34 028	Lê Thị Hoài	My	Nữ	02/09/1994	Quảng Ngãi	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	Tự do	
177	16C 34 029	Bùi Lê Hoàng	Nghĩa	Nam	08/08/1994	Bình Thuận	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	CTS	
178	16C 34 030	Hán Hoàng Anh	Ngọc	Nữ	28/09/1988	Đồng Nai	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	Tự do	
179	16C 34 031	Châu Thành	Tài	Nam	18/03/1994	TP. Hồ Chí Minh	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	CTS	Đại học KHTN
180	16C 34 032	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	Nữ	29/06/1994	Quảng Ngãi	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	Tự do	
181	16C 34 033	Hoàng Đức	Tuân	Nam	16/09/1994	Cao Bằng	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	CTS	
182	16C 34 034	Võ Thị Tố	Vy	Nữ	02/02/1992	Bình Thuận	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	Tự do	
183	16C 35 001	Võ Mạnh	Khương	Nam	27/02/1985	Long An	Vật lý địa cầu		
184	16C 35 002	Đặng Hoàng	Lâm	Nam	29/04/1993	Phú Yên	Vật lý địa cầu		
185	16C 35 003	Lương Ngọc	Thức	Nam	04/12/1987	Ninh Thuận	Vật lý địa cầu		
186	16C 35 004	Võ Văn	Vương	Nam	20/10/1987	Phú Yên	Vật lý địa cầu	Tự do	